



Biểu Phí Dịch Vụ HSBC Premier

Biểu phí này được áp dụng từ 01/07/2024
Phí đã bao gồm 10% thuế VAT

A. TÀI KHOẢN GIAO DỊCH (VND VÀ NGOẠI TỆ)	
Mở tài khoản tại HSBC Việt Nam	Miễn phí
Đóng tài khoản trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	Miễn phí
Số dư tối thiểu khi mở tài khoản	1.000.000.000VND
Phí Dịch Vụ Premier	500.000VND / mỗi tháng (Chỉ tính phí nếu Tổng Giá Trị Tài Sản duy trì hàng tháng thấp hơn 1.000.000.000VND)
Phí đối với tài khoản không hoạt động (không có giao dịch ghi nợ từ 24 tháng trở lên)	100.000VND/tháng/tài khoản

B. GIAO DỊCH TIỀN MẶT (KHÔNG ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ĐA KỲ HẠN/TIỀN GỬI TIẾT KIỆM)	
1. Nộp Tiền Mặt	
VND	Miễn phí
Ngoại tệ	Miễn phí
2. Rút Tiền Mặt	
VND	Miễn phí
Ngoại tệ	+ USD: 0,11% (tối thiểu 55.000VND) + Ngoại tệ khác: 0,55% (tối thiểu 110.000VND)
Lưu ý: - Đối với giao dịch tiền mặt có giá trị từ 1 tỷ bằng VND, khách hàng phải thông báo cho Ngân Hàng tối thiểu 24 giờ (trong ngày làm việc) trước khi thực hiện giao dịch tiền mặt. - Đối với giao dịch tiền mặt bằng ngoại tệ, tương tự như trên sẽ được áp dụng và tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của loại ngoại tệ đó tại Ngân Hàng.	

C. IN BÀN SAO KẾ	
Bản sao kê điện tử (dành cho khách hàng có đăng ký email và/hoặc sử dụng Dịch vụ Ngân hàng Trực tuyến)	Miễn phí
Bản sao kê giấy hàng tháng (dành cho khách hàng không có địa chỉ email đăng ký và không sử dụng Dịch vụ Ngân hàng Trực Tuyến)	Miễn phí
In các giao dịch chưa lập sao kê thông qua Dịch Vụ Ngân Hàng Qua Điện Thoại hoặc tại máy ATM của ngân hàng HSBC	22.000VND/bản sao
In bản sao kê theo yêu cầu	Miễn phí

D. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ HSBC PREMIER VISA PLATINUM	
1. Phí thường niên	Miễn phí
2. Phí rút tiền mặt	
Tại Việt Nam:	
+ ATM của HSBC	Miễn phí
+ ATM của mạng VISA/PLUS	Miễn phí
Tại nước ngoài:	
+ ATM của HSBC (*)	Miễn phí
+ ATM của mạng VISA/PLUS (**)	60.000VND/giao dịch
3. Phí cấp lại số PIN	Miễn phí

D. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ HSBC PREMIER VISA PLATINUM	
4. Phí in bản sao hóa đơn giao dịch	100.000VND/bản
5. Phí cấp lại thẻ	Miễn phí
6. Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	Miễn phí
7. Phí quản lý giao dịch nước ngoài	2,5% số tiền trên mỗi giao dịch
8. Phí đăng ký hàng năm	Miễn phí

(*) Áp dụng cho ATM của HSBC tại nước ngoài thuộc mạng lưới ATM HSBC Toàn Cầu. ATM của HSBC tại một số quốc gia không thuộc mạng lưới ATM HSBC Toàn Cầu nhưng nằm trong mạng VISA/PLUS sẽ được xem là ATM của ngân hàng khác nằm trong mạng VISA/PLUS.
(**) Việc rút tiền mặt tại ATM của ngân hàng khác nằm trong mạng VISA/PLUS có thể phát sinh thêm một khoản Phí do ngân hàng đó quy định.

E. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TỰ ĐỘNG	
1. Dịch Vụ Ngân Hàng Qua Điện Thoại	Miễn phí
2. Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
3. Phí thay thiết bị bảo mật	
Hết pin	Miễn phí 440.000VND
Mất hoặc hư hỏng	220.000VND 550.000VND
+ Trong nước	
+ Nước ngoài	

Lưu ý: Phí trên không bao gồm mọi khoản thuế và các Phí phát sinh ở nước ngoài. Khách hàng sẽ tự chi trả thuế và Phí phát sinh này (nếu có)

F. THẺ TÍN DỤNG HSBC PREMIER MASTERCARD	
Phí thường niên thẻ Master	
Thẻ chính	Miễn phí
Thẻ phụ	Miễn phí
Phí ứng tiền mặt tại máy ATM	4% số tiền mặt ứng trước, tối thiểu 50.000VND
Khoản thanh toán tối thiểu	Bao gồm: (i) 5% của số dư nợ* (tối thiểu 50.000VND) và (ii) khoản trả góp hàng tháng** (nếu có) và (iii) nợ quá hạn hoặc khoản vượt hạn mức tín dụng (tùy thuộc vào khoản nào lớn hơn tại thời điểm lập bảng sao kê). * Số dư nợ là Số dư nợ cuối kì sau khi trừ đi khoản (ii) ** Áp dụng cho giao dịch trả góp đăng kí mới từ 28/11/2015

Lãi suất
(Lãi suất này có thể thay đổi cho phù hợp với các quy định của pháp luật)
33%/năm (không áp dụng nếu không có khoản tiền mặt nào được ứng trước và toàn bộ dư nợ cuối kỳ trên tài khoản thẻ tín dụng được thanh toán vào chậm nhất ngày đến hạn thanh toán của mỗi kỳ sao kê)

Thời hạn	Nhóm 1		Nhóm 2		
	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng	
Chương Trình Trả Góp Tại Thương Hiệu Bạn Chọn (Chỉ áp dụng cho những đối tác không nằm trong Chương trình trả góp 0% lãi suất)	3 tháng	1,99%	0%	2,49%	0%
	6 tháng	3,99%	0%	4,49%	0%
	9 tháng	4,99%	0%	5,49%	0%
	12 tháng	5,99%	0%	6,49%	0%
	24 tháng	5,74%	0,75%	6,24%	0,75%
Thời hạn	Nhóm 3		Nhóm 4		
	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng	
	3 tháng	2,99%	0%	3,49%	0%
	6 tháng	5,49%	0%	5,99%	0%
	9 tháng	6,49%	0%	6,99%	0%
12 tháng	7,49%	0%	7,99%	0%	
24 tháng	7,24%	0,75%	7,74%	0,75%	

F. THẺ TÍN DỤNG HSBC PREMIER MASTERCARD					
	36 tháng	6,99%	0,75%	7,49%	0,75%
(*)(**) Phí chuyển đổi và lãi suất áp dụng tương ứng với từng nhóm đối tượng Khách hàng được định nghĩa như sau: - Nhóm 1: Khách hàng mở Thẻ Tín Dụng trên 3 tháng, yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam, có lịch sử thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong 6 tháng gần nhất, chưa có chuyển đổi trả góp nào tại HSBC. - Nhóm 2: Khách hàng mở Thẻ Tín Dụng trên 3 tháng, yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam, có lịch sử thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong 6 tháng gần nhất, đã có chuyển đổi trả góp trước đây tại HSBC. - Nhóm 3: Khách hàng mở Thẻ Tín Dụng dưới 3 tháng hoặc khách hàng yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam và chỉ thanh toán một phần sao kê hàng tháng từ 1 đến 3 tháng trong 6 tháng gần nhất. - Nhóm 4: Khách hàng yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam và chỉ thanh toán một phần sao kê hàng tháng từ 4 đến 6 tháng trong 6 tháng gần nhất; hoặc Khách hàng yêu cầu trả góp không thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam. (**) Lãi suất áp dụng mỗi tháng được tính trên số tiền được yêu cầu chuyển đổi trả góp ban đầu					
Phí chậm thanh toán	4% khoản nợ tối thiểu (tối thiểu 80.000VND – tối đa 630.000VND)				
Phí cấp lại bản sao chi tiết tài khoản	80.000VND/bản				
Phí vượt hạn mức tín dụng	Miễn phí				
Phí cấp lại thẻ	Miễn phí				
Phí cấp lại số PIN	Miễn phí				
Phí in bản sao hóa đơn giao dịch	100.000VND/bản				
Phí thay đổi hạn mức tín dụng	Miễn phí				
Phí thay đổi loại hình đăng ký thẻ / hạng thẻ	100.000VND/yêu cầu				
Phí chuyển Số Dư Có trong Thẻ Tín Dụng	50.000VND/lần				
Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	100.000VND (chỉ áp dụng trong trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ Thẻ)				
Phí quản lý áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ	2,75% số tiền trên mỗi giao dịch				
Rút tiền mặt từ tài khoản giao dịch đã đăng ký liên kết với thẻ tín dụng tại máy ATM của mạng MASTER/CIRRUS tại Việt Nam, bao gồm các máy ATM của Ngân hàng Techcombank	Miễn phí				

G. CHUYỂN KHOẢN		
1. Nhận tiền vào tài khoản (Ghi có vào tài khoản HSBC Việt Nam)		
Trong nước		Miễn phí
Từ nước ngoài		Miễn phí
2. Chuyển khoản (dành cho khách hàng có tài khoản tại HSBC Việt Nam) *Lưu ý: Mọi phí phát sinh tại các ngân hàng khác (bao gồm cả phí ngân hàng đại lý) do khách hàng chi trả.		
2.1 Trong nước		
Giao dịch tại quầy		Miễn phí
Ngân Hàng Trực Tuyến (chuyển khoản thường và chuyển khoản nhanh NAPAS 247)		Miễn phí
2.2 Nước ngoài		
Phí chuyển tiền	Trong hệ thống Tập đoàn HSBC và người thụ hưởng là chủ tài khoản bằng hệ thống Global Transfer	Miễn phí
	Giao dịch tại quầy: + (i) Mục đích Định cư, Du học và Khám chữa bệnh ở nước ngoài (Áp dụng cho người Việt Nam cư trú thực hiện giao dịch chuyển tiền khi khách hàng đã mua ngoại tệ tại HSBC) + (ii) Mục đích khác không nêu tại mục (i)	Miễn phí
	Ngân Hàng Trực Tuyến	0,11% (tối thiểu 220.000VND - tối đa 2.200.000VND)
Phí ngân hàng trung gian (trường hợp người chuyển thanh toán phí này)	Mục đích: Du học (Áp dụng cho người Việt Nam cư trú thực hiện giao dịch chuyển tiền sau khi khách hàng đã mua ngoại tệ tại HSBC)	Miễn phí
	Mục đích khác	600.000VND
3. Tra Soát/Sửa Đổi/Hủy bỏ		
Lệnh chuyển tiền trong nước		44.000VND/yêu cầu
Lệnh chuyển tiền nước ngoài		880.000VND/yêu cầu

H. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM

Lãi suất áp dụng cho tiền gửi có kỳ hạn/ tiền gửi tiết kiệm rút trước ngày đáo hạn là lãi suất thấp nhất của tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

I. SỔ SÉC (CHỈ ÁP DỤNG CHO VND)

Cung ứng séc	33.000VND/quyển
Thanh toán séc	
+ Người thụ hưởng đồng thời là người ký phát séc	Miễn phí
+ Người thụ hưởng không phải là người ký phát séc (Người ký phát séc thanh toán phí này)	0,02% (tối thiểu 11.000VND - tối đa 1.100.000VND)
Hủy séc	11.000VND/tờ

J. CÁC PHỤ PHÍ KHÁC

1. Phát chuyển nhanh (phát hành bởi HSBC Việt Nam)	
+ Trong nước	110.000VND/thư
+ Ngoài nước	440.000VND/thư
2. Cước bưu điện (phát hành bởi HSBC Việt Nam)	
+ Trong nước	55.000VND/thư
+ Ngoài nước	110.000VND/thư
<i>*Lưu ý: Các dịch vụ sẽ được tiến hành cẩn thận theo chính sách của Ngân hàng, tuy nhiên, Ngân hàng không chịu trách nhiệm nếu có mất mát, chậm trễ, sai sót, thiếu hụt hay hư hại có thể xảy ra trong quá trình gửi, chuyển các chứng từ mà những mất mát, chậm trễ, sai sót, thiếu hụt này phát sinh không phải do lỗi của Ngân hàng</i>	
3. Chỉ thị định kỳ (thiết lập và chỉnh sửa)	Miễn phí
4. Thư xác nhận của Ngân Hàng/Xác nhận số dư tại một thời điểm	55.000VND/bản sao

Điều kiện và điều khoản:

Các mức phí không bao gồm các khoản phí có thể phát sinh (bao gồm nhưng không giới hạn điện phí, bưu phí, phí rút tiền tại ngân hàng khác thuộc mạng Visa/PLUS, thuê và phí khác) của các ngân hàng và đơn vị khác cũng tham gia cung ứng dịch vụ (nếu có). Ngân hàng có quyền ghi nợ tài khoản khách hàng cho các khoản phí, chi phí, phí phát sinh theo biểu phí này vào lúc thực hiện dịch vụ.

Các dịch vụ không được nêu tại biểu phí này sẽ được cung cấp với mức phí tương ứng được thông báo tại thời điểm yêu cầu. Các phí tại đây thay thế các phí đã thông báo trước kia và có thể được thay đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ và sẽ chỉ được thông báo trước khi pháp luật có yêu cầu.

Do tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ, số tiền phí này có thể thay đổi trong trường hợp thu phí bằng Việt Nam đồng từ giao dịch bán ngoại tệ của tài khoản ngoại tệ của khách hàng, nhưng chênh lệch không quá +/- 0.5% số tiền phí đã niêm yết.

Nếu khách hàng có nhu cầu nhận hóa đơn điện tử cho (các khoản) phí dịch vụ Tài Chính Cá Nhân, vui lòng thông báo trong ngày thực hiện dịch vụ để được hỗ trợ tại bất kì Chi Nhánh/Phòng giao dịch của HSBC.

Phát hành bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)



HSBC Premier Tariff

This tariff is effective from 01 Jul 2024

All fees are inclusive of 10% VAT

A. TRANSACTIONAL ACCOUNT (VND & FOREIGN CURRENCIES)	
Account opening within Vietnam	Free
Account closure within 12 months of opening	Free
Minimum opening balance	VND1,000,000,000
Premier Service Fee	VND500,000 / per month (Charge only applies if Total Relationship Balance for the month falls below VND1,000,000,000)
Service charge for dormant account (account has no debit transaction for 24 months and above)	VND100,000/month/account

B. CASH TRANSACTION (NOT APPLICABLE FOR TIME DEPOSIT ACCOUNT/STEP-UP TIME DEPOSIT/SAVINGS DEPOSIT)	
1. Cash Deposit	
VND	Free
Foreign currency	Free
2. Cash Withdrawal	
VND	Free
Foreign currency	
+ USD	0.11% (min VND55,000)
+ Other currencies	0.55% (min VND110,000)
Notice: - For cash transactions valued from 1 billion in VND currency, customer is required to notify the Bank 24 hours at a minimum (in working day) prior to the cash request. - For cash transactions in foreign currency, same as above will be applied and subject to the availability of the currency at the Bank.	

C. STATEMENT	
Monthly e-statement for Internet Banking customers or registered email address customers	Free
Monthly print statement for Non-Internet Banking customers or non-registered email address customers	Free
Request for print interim statement via PhoneBanking Service or HSBC ATM machine	VND22,000/copy
Request for print statement	Free

D. HSBC PREMIER VISA PLATINUM DEBIT CARD	
1. Annual fee	Free
2. Cash withdrawal transaction fee	
In Vietnam:	
+ HSBC ATMs	Free
+ VISA/PLUS network	Free
Overseas:	
+ HSBC ATMs (*)	Free
+ VISA/PLUS network (**)	VND60,000/transaction
3. PIN replacement fee	Free
4. Sales slip retrieval fee	VND100,000/copy

D. HSBC PREMIER VISA PLATINUM DEBIT CARD	
5. Card replacement fee	Free
6. Dispute investigation fee	Free
7. Administration fee for overseas transactions	2.5% of transaction amount
8. Annual registration fee	
SMS alert service for transactions on debit card and linked accounts	Free
(*) Applicable for overseas HSBC ATMs in HSBC Global ATM Switch. HSBC ATMs in some countries that are not part of the HSBC Global ATM Switch but are in the VISA/PLUS network will be considered as ATMs in the VISA/PLUS network.	
(**) Cash withdrawals at VISA/PLUS network might be subject to the additional charge of other banks.	

E. SELF SERVICE BANKING	
1. PhoneBanking	Free
2. Internet Banking	Free
3. Security device replacement (lost or damaged)	
Dead battery	
+ Within Vietnam	Free
+ Overseas	VND440,000
Lost or damage	
+ Within Vietnam	VND220,000
+ Overseas	VND550,000
*Note: This fee does not include any tax and charge imposed in destination countries. Such taxes and charges (if any) shall be born by customers	

F. HSBC PREMIER MASTERCARD CREDIT CARD	
Annual Fee For Master Card	
Primary Card	Free
Supplementary Card	Free
Cash advance fee at ATM	4% of cash advance amount, minimum 50,000VND
Minimum payment due	Include the following amounts: (i) 5% of the outstanding balance* (minimum VND50,000), and (ii) any installment repayment amount**, and (iii) the greater of the overdue amount of over limit amount. * The outstanding balance is statement balance amount less any installment repayment amounts ** Applicable to installment transactions made from 28 Nov 2015
Finance charge	33.0%/year (nil if no cash advance is used and the full statement balance is paid by due date of each credit card statement).
(The finance charge may be changed from time to time in accordance with the local regulatory requirements)	

Installment Plan At Merchants Of Your Choice Program (Applies to merchants not participating in 0% Interest Installment Plan program)	Tenor	Group 1		Group 2	
		Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)	Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)
	3 months	1.99%	0%	2.49%	0%
6 months	3.99%	0%	4.49%	0%	
9 months	4.99%	0%	5.49%	0%	
12 months	5.99%	0%	6.49%	0%	
24 months	5.74%	0.75%	6.24%	0.75%	
36 months	5.49%	0.75%	5.99%	0.75%	
Tenor	Group 3		Group 4		
	Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)	Conversion fee (*)	Monthly interest rate (**)	
3 months	2.99%	0%	3.49%	0%	
6 months	5.49%	0%	5.99%	0%	
9 months	6.49%	0%	6.99%	0%	
12 months	7.49%	0%	7.99%	0%	
24 months	7.24%	0.75%	7.74%	0.75%	
36 months	6.99%	0.75%	7.49%	0.75%	

F. HSBC PREMIER MASTERCARD CREDIT CARD	
(*)(**)The conversion fee and interest rate are applicable for each customer group as defined below: - Group 1: Customers who have their credit cards opened more than 3 months, register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have settled full monthly payment in the last 6 months, not have any Instalment at HSBC. - Group 2: Customers who have their credit cards opened more than 3 months, register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have settled full monthly payment in the last 6 months, have any Instalment before at HSBC. - Group 3: Customers who have their credit cards opened less than 3 months or customers who register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have partial payment for the monthly statement from 1 to 3 months in the last 6 months - Group 4: Customers who register for an installment plan via HSBC Vietnam App and have partial payment for the monthly statement from 4 to 6 months in the last 6 months; or Customers who register for an installment plan not via HSBC Vietnam App. (**) Monthly interest rate is calculated monthly as a percentage of the original Instalment amount until the instalment period ends	
Late charge	4% of minimum amount due (minimum VND80,000 – maximum VND 630,000)
Request for print statement fee	VND80,000/copy
Over credit limit fee	Free
Card replacement fee	Free
PIN replacement fee	Free
Sales slip retrieval fee	VND100,000/copy
Change credit limit fee	Free
Fee to change secured type/ card type	VND100,000/request
Credit Balance Transfer Fee	VND50,000/request
Dispute investigation fee	VND100,000 for dispute transaction found genuine
Administration fee applied for foreign currency transactions	2.75% of transaction amount
Cash withdrawal via accounts linked to credit card at MASTER/CIRRRUS ATMs network in Vietnam, including Techcombank ATMs	Free

G. REMITTANCES		
1. Inward remittances (Credits to accounts at HSBC Vietnam)		
Inside Vietnam		Free
From overseas		Free
2. Outward remittance (for HSBC Vietnam account holder)		
* Note: Other fees which may be charged by other banks (including but not limited to the correspondent bank fee) shall be born by customers		
2.1 Inside Vietnam		
Paper-based		Free
Internet Banking (both normal transfer and NAPAS 247)		Free
2.2 Overseas		
Remittance fee	Within HSBC Group and the beneficiary is the account holder via Global Transfer	Free
	Paper-based (i) For Immigration, Overseas Education & Medical Treatments purposes (Applied to resident Vietnamese who make remittances over the counter after purchasing foreign currency at HSBC) (ii) Other purposes (besides the purposes in (i))	0.11% (min VND220,000 - max VND2,200,000)
	Internet Banking	Free
Overseas bank charge (in case charge type is "OUR")	Overseas Education purpose (Applied to resident Vietnamese who make remittances over the counter after purchasing foreign currency at HSBC) Other purposes	Free VND600,000
3. Investigation/Amendment/Cancellation		
Inside Vietnam Outward remittance		VND44,000/request
Overseas Outward remittance		VND880,000/request

H. TIME DEPOSIT ACCOUNT/SAVINGS DEPOSIT	
Lowest demand interest rate will be applied to pre-maturity withdrawal.	

I. CHEQUE BOOK (APPLIED TO VND ONLY)	
Cheque issuance	VND33,000/book
Cheque encashment	
+ The beneficiary is the drawer	Free
+ The beneficiary is not the drawer (This fee will be born by the drawer)	0.02% (min VND11,000 - max VND1,100,000)
Cheque cancellation	VND11,000/sheet

J. MISCELLANEOUS FEE	
1. Courier charges (issued by HSBC Vietnam)	
+ Inside Vietnam	VND110,000/letter
+ Overseas	VND440,000/letter
2. Postage fee (issued by HSBC Vietnam)	
+ Inside Vietnam	VND55,000/letter
+ Overseas	VND110,000/letter
<i>*Note: While all due care will be taken, the Bank accepts no responsibility for any loss, delay, error, omission or mutilation which may occur the delivery of any documents unless such loss, delay, error, omission or mutilation originated from the Bank</i>	
3. Standing instruction (set-up and amendment)	Free
4. Bank confirmation/Balance certificate at a point of time	VND55,000/copy
5. Cash withdrawal fee for amount from and above VND500,000,000 within 48 hours from the time of deposit	0.055% (max VND3,300,000)
6. Emergency encashment for HSBC group customer	Free
7. Account blockade as account holder's request	Free

Term and Conditions:

Fees are exclusive of other fees charged by involved banks and organizations (include but not limited to telecommunication, postal, cash withdrawal at Visa/PLUS ATMs, taxes and other fees). HSBC Bank (Vietnam) Ltd. shall debit the customer's account of all fees and occurring fees upon processing transactions.

Services not listed herein will be provided upon request with fees advised accordingly.

Fees contained herein replace any previously issued fees and are subject to amendment, supplement or cancellation and only announced should be required by law.

Due to the foreign currency conversion rate, this fee may be subject to change in case the fee in Viet Nam Dong is collected for your foreign currency selling transaction from your foreign currency account, and will be up to +/- 0.5% of the announced fees.

If customers want to receive an electronic invoice for Personal Banking service fee(s), please inform at any HSBC Branch/Transaction Office on the day applying the service for support.

Issued by HSBC Bank (Vietnam) Ltd.